

KT3-01694BMT4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/04/2024
Trang/ Page 01 / 06

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC ĐÃ XỬ LÝ: NHÀ MÁY NƯỚC BÀU BÀNG
Tổ 11, Khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên, Bàu Bàng, BD
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
Unit/sample: 5 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 10/04/2024
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 10/04/2024 – 17/04/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
Số 11B, Đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-01694BMT4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/04/2024

Trang/ Page 02 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng selen (Se) Selenium content	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,003
7.2	Hàm lượng 2,4,6-Trichlorophenol 2,4,6-Trichlorophenol content	µg/L	QTTN/KT3 174:2022 (Ref. US EPA Method 8321B)	KPH	20
7.3	Hàm lượng phenol và dẫn xuất phenol Phenols content	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	0,3
7.4	Hàm lượng acrylamide Acrylamide content	µg/L	QTTN/KT3 158:2022	KPH	0,1
7.5	Hàm lượng epiclohydrin Epiclohydrin content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,15
7.6	Hàm lượng 2,4-D 2,4-D content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.7	Hàm lượng MCPA MCPA content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.8	Hàm lượng 2,4-DB 2,4-DB content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.9	Hàm lượng dichloprop Dichloprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.10	Hàm lượng fenoprop Fenoprop content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.11	Hàm lượng mecoprop (MCP)	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.12	Hàm lượng Molinate Molinate content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
7.13	Hàm lượng Alachlor Alachlor content	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
7.14	Hàm lượng aldicarb Aldicarb content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0
7.15	Hàm lượng carbofuran Carbofuran content	µg/L	US EPA Method 8321B	KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-01694BMT4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/04/2024

Trang/ Page 03 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.16	Hàm lượng chlopyrifos <i>Chlopyrifos content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	1,0
7.17	Hàm lượng chlordane ⁽³⁾ <i>Chlordane content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
7.18	Hàm lượng methoxychlor <i>Methoxychlor content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
7.19	Hàm lượng trifluralin <i>Trifluralin content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,05
7.20	Hàm lượng chlorotoluron <i>Chlorotoluron content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	KPH	1,0
7.21	Hàm lượng permethrin <i>Permethrin content</i>	µg/L	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	KPH	0,1
7.22	Hàm lượng isoproturon <i>Isoproturon content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	KPH	1,0
7.23	Hàm lượng pendimethalin <i>Pendimethalin content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	KPH	5,0
7.24	Hàm lượng propanil <i>Propanil content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	KPH	1,0
7.25	Hàm lượng simazine <i>Simazine content</i>	µg/L	US EPA Method 8231B	KPH	1,0
7.26	Hàm lượng cyanazine <i>Cyanazine content</i>	µg/L	US EPA Method 536	KPH	0,25
7.27	Hàm lượng hydroxyatrazine (atrazine-2-hydroxy) <i>Hydroxyatrazine content</i>	µg/L	US EPA Method 536	KPH	1,0
7.28	Hàm lượng atrazine và các dẫn xuất chloro-s-triazine	-	US EPA Method 536	-	-
	+ Atrazine	µg/L		KPH	1,0
	+ Atrazine-desisopropyl	µg/L		KPH	1,0
	+ Atrazine-desethyl	µg/L		KPH	1,0

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with () are not accredited yet.*



KT3-01694BMT4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/04/2024

Trang/ Page 04 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
	+ Atrazine-desethyl-desisopropyl	µg/L		KPH	10
7.29	Hàm lượng bromat (BrO ₃ ⁻) Bromate content	µg/L	SMEWW 4110 D:2023	KPH	4
7.30	Hàm lượng axit monocloroaxetic Monochloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	KPH	5,0
7.31	Hàm lượng axit dicloroaxetic Dichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	KPH	5,0
7.32	Hàm lượng axit tricloroaxetic Trichloroacetic acid content	µg/L	US EPA Method 552.3	< 5 (**)	2,0
7.33	Hàm lượng dicloroaxetonitril Dicloroaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	0,8	-
7.34	Hàm lượng dibromoaxetonitril Dibromoaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH	0,2
7.35	Hàm lượng tricloroaxetonitril Tricloroaxetonitril content	µg/L	US EPA Method 551.1	KPH	0,2
7.36	Hàm lượng formaldehyde Formaldehyde content	µg/L	QTTN/KT3 159:2022	KPH	100
7.37	Hàm lượng monocloramin Monochloramine content	mg/L	TCVN 6225-2:2021	KPH	0,02
7.38	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,05
7.39	Hoạt độ phóng xạ beta tổng Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,3
7.40	Hàm lượng Bo (B) (tính chung cho cả Borat và Axit boric) Boron content (Boron and boric acid)	mg/L	US EPA Method 200.8	KPH	0,01
7.41	Hàm lượng DDT và các dẫn xuất (DDTs) DDTs content	-	US EPA Method 3510C và US EPA Method 8270E	-	-
	+ 4,4'-DDD	µg/L		KPH	0,05
	+ 4,4'-DDE	µg/L		KPH	0,05
	+ 4,4'-DDT	µg/L		KPH	0,05
7.42	Hàm lượng dichloromethane Dichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	2

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-01694BMT4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

17/04/2024

Trang/ Page 05 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.43	Hàm lượng 1,2-dichloroetan 1,2-dichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.44	Hàm lượng 1,1,1-trichloroetan 1,1,1-trichloroethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.45	Hàm lượng carbontetraclorua Carbontetrachloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.46	Hàm lượng 1,2-dichloroeten 1,2-dichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.47	Hàm lượng trichloroeten Trichloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.48	Hàm lượng tetrachloroeten Tetrachloroethene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.49	Hàm lượng vinyl clorua Vinyl chloride content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,1
7.50	Hàm lượng benzen Benzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.51	Hàm lượng toluen Toluene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.52	Hàm lượng xylen Xylene content	µg/L	US EPA Method 8260D	-	-
	+ m+p-xylene	µg/L		KPH	1,0
	+ o-xylene	µg/L		KPH	0,5
7.53	Hàm lượng ethylbenzen Ethylbenzene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.54	Hàm lượng styren Styrene content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.55	Hàm lượng monoclorobenzen Monoclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.56	Hàm lượng 1,2-diclorobenzen 1,2-diclorobenzen content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.57	Hàm lượng triclorobenzen Triclorobenzen content		US EPA Method 8260D	-	-
	+ 1,2,3-trichlorobenzene	µg/L		KPH	0,5
	+ 1,2,4-trichlorobenzene	µg/L		KPH	0,5
	+ 1,3,5-trichlorobenzene	µg/L		KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.

Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-01694BMT4/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/04/2024

Trang/ Page 06 / 06

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.58	Hàm lượng hexacloro butadien Hexachloro butadien content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,25
7.59	Hàm lượng 1,2-dibromo-3 cloropropan 1,2-dibromo -3-chloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.60	Hàm lượng 1,2-dicloropropan 1,2-dicloropropan content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	0,5
7.61	Hàm lượng 1,3-dicloropropen 1,3-dicloropropen content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	1,0
7.62	Hàm lượng bromoform Bromoform content	µg/L	US EPA Method 8260D	KPH	1,0
7.63	Hàm lượng dibromochloromethane Dibromochloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	< 2 (**)	1,0
7.64	Hàm lượng bromodichloromethane Bromodichloromethane content	µg/L	US EPA Method 8260D	3	-
7.65	Hàm lượng chloroform Chloroform content	µg/L	US EPA Method 8260D	5	-

Ghi chú/ Notice:

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

US EPA: United States Environmental Protection Agency

(³) Hàm lượng chlordane khảo sát trên các cấu tử sau/ Chlordane was determined based on the following compounds: α-chlordane, γ-chlordane

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.

The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.

This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

6. Phòng Thử nghiệm đã được Văn phòng Công nhận Chất lượng (BoA)-Việt Nam công nhận phù hợp theo ISO/IEC 17025:2017 (Vilas 004). Các chỉ tiêu có dấu (*) là chưa được công nhận.

The Testing Lab is accredited as conforming to ISO/IEC 17025:2017 by Bureau of Accreditation - Viet Nam (Vilas 004). The characteristics marked with (*) are not accredited yet.



KT3-01694BMT4/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/04/2024
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu
Name of sample : NƯỚC THÔ: NHÀ MÁY NƯỚC BÀU BÀNG
Tổ 11, Khu phố Cây Sắn, Thị trấn Lai Uyên, Bàu Bàng, BD
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Dạng mẫu: lỏng;
Form: the liquid;
- Số đơn vị/mẫu: 5 L;
Unit/sample: 5 L;
- Dụng cụ chứa: bình nhựa;
Container: plastic bottle;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 10/04/2024
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 10/04/2024 – 17/04/2024
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN NƯỚC THỦ DẦU MỘT
Số 11B, Đường Ngô Văn Trị, Phường Phú Lợi, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / See next page

TRƯỞNG PTN MÔI TRƯỜNG
HEAD OF ENVIRONMENTAL TESTING LAB

Nguyễn Hoàng Linh

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Ngô Quốc Việt



KT3-01694BMT4/2

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

17/04/2024

Trang/ Page 02 / 02

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Hàm lượng tổng Crom (Cr) ⁽¹⁾ Total chromium content	mg/L	SMEWW 3120B:2023	KPH	0,005
7.2	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt anion (metylen xanh) ⁽¹⁾ Anion surfactant content	mg/L	TCVN 6336:1998	KPH	0,02
7.3	Tổng phenol/ chỉ số phenol ⁽¹⁾ Phenols index	µg/L	TCVN 6216:1996	KPH	1,0
7.4	Hoạt độ phóng xạ alpha tổng ⁽¹⁾ Gross alpha Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	KPH	0,02
7.5	Hoạt độ phóng xạ beta tổng ⁽¹⁾ Gross beta Radioactivity	Bq/L	SMEWW 7110B:2023	< 0,3 (**)	0,1
7.6	Hàm lượng tổng carbon hữu cơ (TOCs) ⁽³⁾ Total Organic Carbon Content	mg/L	TCVN 6634:2000	10,6	-

Ghi chú/ Notice:

⁽¹⁾: Các chỉ tiêu được chứng nhận VIMCERTS 078./ The characteristics are based on VIMCERTS 078 certificate.

SMEWW: Standard Methods for the Examination of Water and Waste water

TCVN: Tiêu Chuẩn Quốc Gia/ National standards

⁽³⁾ Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ Viện Nhiệt đới Môi trường và được chứng nhận VIMCERTS 009/ Subcontracted test by Institute for Tropical Technology and Environmental Protection and the characteristic is based on VIMCERTS 009 certificate.

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

KPH: Không phát hiện/ Not detected

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only; and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phần bổ chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.

Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report .

